

Số: **402/2021/QĐST-HNGĐ**

TH, ngày 13 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 129/2021/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị Xuân T, sinh năm 1968,

Nơi ĐKKHTT: Tổ X, phường T, thành phố TH, tỉnh TH.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 134, tổ Y, phường T, thành phố TH, tỉnh TH.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự: Bà Phạm Thị Hồng V,
Luật sư - Công ty Luật TNHH Phạm V.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Tiến G, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Số nhà Z, tổ X, phường T, thành phố TH, tỉnh TH.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Dương Thị N, sinh năm 1947 - Nơi cư trú: Số nhà Z, tổ X, phường T, thành phố TH, tỉnh TH.

2. Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1979 - Nơi cư trú: Tổ X, phường T, thành phố TH, tỉnh TH.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn Tiến G.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn Tiến G nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

+ Cháu Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1996, đã trưởng thành.

+ Chị Hoàng Thị Xuân T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Khánh H, sinh ngày 30/4/2008 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Tiến G cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Khánh H mức 2.000.000đồng/ tháng kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung:

+ Các đương sự đã tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung tại Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng trước khi ly hôn số 3534 quyền số: 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được lập tại văn phòng công chứng Dương Cúc ngày 05/8/2021.

+ Bà Dương Thị N nhất trí sự thỏa thuận phân chia tài sản chung của anh G và chị T theo nội dung văn bản thỏa thuận số 3534 quyền số: 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được lập tại văn phòng công chứng Dương Cúc ngày 05/8/2021.

+ Anh Dương Tiến L nhất trí sự thỏa thuận của anh G và chị T về khoản vay cùng anh L, anh G là người có trách nhiệm thanh toán cho anh L. Anh Dương Tiến L không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Xuân T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004571 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH. Hoàn trả chị Hoàng Thị Xuân T số tiền tạm ứng án phí dân sự có giá ngạch là 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Chi cục THADS thành phố TH;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc